

Bản án số: 14/2020/DS-ST
Ny 30/11/2020
Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Nguyên Thoại

Bà Vũ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Khánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ny 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLST-DS Ny 30 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/QĐXXST-DS Ny 12/10/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/QĐST-DS Ny 06/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Bích N

Địa chỉ: Tổ 24, phường Lào Cai (phường Phố Mới cũ), thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai – Có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại dịch vụ PN

Địa chỉ: Nhà ông Nguyễn Văn P, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P – Chức vụ: Giám đốc công ty (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 2 vào Ny 22/9/2020) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề Ny 26/6/2020 và các bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Bích N trình bày như sau: Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại dịch vụ PN (sau đây gọi tắt là Công ty PN) có địa chỉ tại: Nhà ông Nguyễn Văn P, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (bên vay) đã có ký Hợp đồng vay tiền số: 01/HĐCV Ny 17/06/2019 với bà Lê Bích N (bên cho vay). Nội dung chủ yếu của hợp đồng như sau: Thời hạn vay từ Ny 17/06/2019 đến 30/04/2020; Số tiền cho vay: 6.589.423.650 đ (Bằng chữ: Sáu tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm

hai mươi ba Nn, sáu trăm lăm mươi đồng); Lãi suất cho vay: Không tính lãi suất; Thời gian trả nợ: Bắt đầu trả nợ từ tháng 10/2019; mỗi tháng trả 1.000.000.000đồng; đến tháng 04/2020 trả hết số tiền còn lại là 589.423.650 đồng. Về nghĩa vụ của bên vay: Nếu đến hạn trả nợ của từng đợt mà Công ty PN không trả hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả bằng 150% của mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Ngoài ra, trong hợp đồng còn thỏa thuận về tiền phạt: Nếu đến kỳ trả nợ, cứ mỗi lần trả nợ chậm quá 05 Ny, hoặc không trả, hoặc trả nợ không đủ thì Công ty PN bị phạt 10% trên số tiền chậm trả; Nếu đến hạn cuối cùng Ny 30/4/2020 mà không trả đầy đủ thì Công ty PN bị phạt 10% trên tổng số tiền vay. Toàn bộ số tiền cho vay trên là tiền riêng của cá nhân bà Lê Bích N.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Bà Lê Bích N đã thực hiện đúng cam kết bà N đã chuyển số tiền cho vay cho Công ty PN, thể hiện bằng Ủy nhiệm chi Ny 17/06/2019, số tiền 6.589.423.650 đồng được chuyển từ tài khoản của bà Lê Bích N sang tài khoản của Công ty PN. Về phía Công ty PN, trong quá trình thực hiện hợp đồng công ty đã liên tục vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ cho N như: Không trả đúng, đủ số tiền theo các kỳ trả nợ, tính đến hết 30/4/2020 là hạn trả nợ cuối cùng nhưng Công ty PN vẫn không trả hết nợ. Tính đến Ny 23/6/2020, Công ty PN còn nợ bà N số tiền tổng cộng là: 5.788.771.380 đồng, trong đó: Nợ gốc là 5.114.486.650 đồng; Phí phạt do chậm trả là 317.884.730 đồng; Tiền lãi do chậm trả là 356.400.000 đồng. Xét thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm vì vậy bà Lê Bích N đã khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Công ty PN phải trả cho bà Lê Bích N số tiền tính đến Ny 23/6/2020 tổng cộng là: 5.788.771.380 đồng.

- Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai đã nhiều lần triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với bị đơn; Thực hiện ủy thác để Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa để thu thập tài liệu, chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn tuy nhiên bị đơn đều vắng mặt tại Tòa án.

Tại bản tự khai Ny 07/9/2020, ông Trần Phong Sắc (tại thời điểm này ông Sắc là Giám đốc Công ty PN và là người đại diện theo pháp luật của công ty) trình bày: Căn cứ vào Hợp đồng số 01/HĐCV Ny 17/06/2019 được ký kết giữa bà Lê Bích N với Công ty PN thì Công ty PN có vay tiền của bà Lê Bích N số tiền 6.589.423.650 đ (Bằng chữ: Sáu tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi ba Nn, sáu trăm lăm mươi đồng); Thời hạn vay là 01 năm. Tuy nhiên do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty PN gặp nhiều khó khăn nên đến Ny 10/6/2020 công ty mới trả được cho bà N số tiền 2.500.000.000đ, còn nợ lại 4.089.423.650đ. Đến Ny 08/8/2020 giữa công ty và bà N đã cùng thỏa thuận lại với nhau là mỗi tháng Công ty PN sẽ trả cho bà N số tiền 500.000.000đ. Thực hiện theo cam kết trên, Ny 14/8/2020 Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại dịch vụ PN đã trả được 300.000.000đ, đến Ny 07/9/2020 Công ty PN tiếp tục trả thêm 200.000.000đ. Công ty PN cam kết sẽ thực hiện đúng các thỏa thuận cho đến khi trả hết số tiền đã vay nợ. Công ty đề nghị với Tòa án để hai bên tự thỏa thuận P án giải quyết. Về lý do vắng mặt theo triệu tập của Tòa án, bị đơn trình bày do điều kiện đường sá xa xôi và do dịch bệnh nên không đến Tòa án để làm việc.

Tại bản tự khai đề Ny 27/10/2020 (Do ông Nguyễn Văn P – Chức vụ: Giám đốc công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 2 vào Ny 22/9/2020) Công ty PN trình bày: Công ty PN có hợp đồng mua bán nguyên liệu đạm với Công ty MTV XNK Bình Nguyên (có địa chỉ: tại số 003, đường Thanh Phú, phường Kim Bôi, thành phố Lào Cai) và có nợ số tiền hàng là 6.589.423.650đ; mặt khác Công ty MTV XNK Bình Nguyên có nợ bà Lê Bích N số tiền 6.589.423.650đ, do đó Công ty PN đã đứng ra ký hợp đồng vay số tiền trên với bà N (thực tế là không vay nợ gì và công ty cũng không để ý về phần lãi suất). Số tiền vay 6.589.423.650đ đã được bà N chuyển vào tài khoản của Công ty PN; về việc trả nợ: Từ Ny 06/11/2019 cho đến nay Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại dịch vụ PN đã trả được cho bà N số tiền 3.000.000.000đ. Số tiền còn lại sẽ trả cho bà N mỗi tháng công ty sẽ trả cho bà N 500.000.000đ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện (do trong tháng 8, 9/2020 bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 500.000.000đ và tính tiền lãi chậm trả đến Ny xét xử). Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại dịch vụ PN phải trả tổng số tiền là 5.736.771.380 đồng, trong đó số tiền gốc còn nợ là 5.114.486.650 đồng; Lãi tính đến hết Ny 30/11/2020 là 622.284.730 đồng. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 418, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại dịch vụ PN phải trả số tiền gốc còn nợ là 5.114.486.650 đồng; Lãi tính đến hết Ny 30/11/2020 là 622.284.730 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả tính đến Ny 30/11/2020 là 5.736.771.380 đồng. Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định mối quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 của Hợp đồng các bên thỏa thuận về thẩm quyền Tòa án giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định theo điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử thực hiện việc xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

3.1.Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở để xác định: Ny 17/6/2019 Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại dịch vụ PNCó ký Hợp đồng số: 01/HĐCV về việc vay bà Lê Bích N số tiền 6.589.423.650đ; Thời hạn vay: từ Ny 17/6/2019 đến 30/04/2020; Lãi suất cho vay: Không tính lãi suất; Thời gian trả nợ: Bắt đầu trả nợ từ tháng 10/2019; mỗi tháng trả 1.000.000.000 đồng; đến tháng 04/2020 trả hết số tiền còn lại là 589.423.650 đồng. Thực hiện hợp đồng trên, bà Lê Bích N đã chuyển vào tài khoản số 1008935309 mở tại Ngân hàng SHB chi nhánh tỉnh Thanh Hóa của Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại dịch vụ PN Ny 17/6/2019. Tại các bản tự khai Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại dịch vụ PN đã thừa nhận về khoản tiền này.

- Về quá trình trả nợ các bên thống nhất thỏa thuận trong hợp đồng như sau:

- + Kỳ thứ nhất: Trả nợ từ Ny 01/10/2019 đến 31/10/2019 trả 1.000.000.000đ;
- + Kỳ thứ hai: Trả nợ từ Ny 01/11/2019 đến 30/11/2019 trả 1.000.000.000đ;
- + Kỳ thứ ba: Trả nợ từ Ny 01/12/2019 đến 31/12/2019 trả 1.000.000.000đ;
- + Kỳ thứ tư: Trả nợ từ Ny 01/01/2020 đến 31/01/2020 trả 1.000.000.000đ;
- + Kỳ thứ năm: Trả nợ từ Ny 01/02/2020 đến 28/02/2020 trả 1.000.000.000đ;
- + Kỳ thứ sáu: Trả nợ từ Ny 01/3/2020 đến 31/3/2020 trả 1.000.000.000đ;
- + Kỳ thứ bảy: Trả nợ từ Ny 01/4/2020 đến 30/4/2020 trả hết số tiền còn lại là 589.423.650 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn được tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng.

3.2- Xét về các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng:

3.2.1- Về lãi trong hạn: Các bên thỏa thuận không tính lãi suất

3.2.2- Về lãi chậm trả: Tại khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng các bên thỏa thuận về số tiền lãi chậm trả như sau: *“Nếu đến hạn trả nợ của từng đợt mà Công ty cổ phần sản xuất và thương mại dịch vụ PN không trả hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả bằng 150% của mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/năm”*.

Tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về lãi chậm trả như sau:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 là mức lãi suất do các bên thỏa thuận. Theo đó, nếu các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Như vậy các bên thỏa thuận về tiền lãi chậm trả là 20%/năm là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

3.3.3- Về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (Thỏa thuận phạt do chậm trả tiền gốc): Điều 7 của Hợp đồng các bên thỏa thuận như sau:

“a. Nếu đến kỳ trả nợ, cứ mỗi lần trả nợ chậm quá 05 Ngày, hoặc không trả, hoặc trả nợ không đủ thì Công ty cổ phần sản xuất và thương mại dịch vụ PN bị phạt 10% trên số tiền chậm trả;

b. Nếu đến hạn cuối cùng Ngày 30/4/2020 mà không trả đầy đủ thì Công ty cổ phần sản xuất và thương mại dịch vụ PN bị phạt 10% trên tổng số tiền vay”.

Tại Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thỏa thuận phạt vi phạm như sau: *“1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm. 2. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác. 3. Các bên có thể thỏa thuận về việc bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm mà không phải bồi thường thiệt hại hoặc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại. Trường hợp các bên có thỏa thuận về phạt vi phạm nhưng không thỏa thuận về việc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm.”*

Khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”.*

Trong hợp đồng các bên thỏa thuận phạt vi phạm đối với 2 hành vi vi phạm nghĩa vụ khác nhau, xét thấy thỏa thuận này do các bên tự định đoạt và không trái quy định của pháp luật do đó thỏa thuận này được Tòa án chấp nhận.

* Về mục đích khoản tiền vay: Nguyên đơn trình bày là Công ty PN vay số tiền trên để phục vụ cho việc kinh doanh của công ty; Bị đơn trình bày, do Công ty PN có hợp đồng mua bán nguyên liệu đạm với Công ty MTV XNK Bình Nguyên (có địa chỉ: tại số 003, đường Thanh Phú, phường Kim Bôi, thành phố Lào Cai) và có nợ số tiền hàng là 6.589.423.650đ; mặt khác Công ty MTV XNK Bình Nguyên có nợ bà Lê Bích N số tiền 6.589.423.650đ, do đó Công ty PN đã đứng ra ký hợp đồng vay số tiền trên với bà N (thực tế là không vay nợ gì). Tuy nhiên, Công ty PN không đưa ra tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho nội dung này và không có mặt tại Tòa án để giải quyết. Mặt khác địa chỉ của Công ty MTV XNK Bình Nguyên tại thành phố Lào Cai như bị đơn trình bày là không đúng do đó Tòa án không có cơ sở để xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp giữa Công ty PN và Công ty MTV XNK Bình Nguyên thì Công ty PN có thể khởi kiện bằng một vụ án độc lập khác.

- Số tiền bị đơn phải nợ cho nguyên đơn như sau:

Ny phát sinh	Số tiền phải trả nợ (Đơn vị tính: Đồng)
--------------	---

	<i>Tổng số tiền phải trả</i>	<i>Trong đó</i>		
		<i>Tiền gốc</i>	<i>Phạt chậm trả gốc</i>	<i>Lãi chậm trả</i>
<i>(1)</i>	<i>(2=3+4+5)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
17/06/2019	0			
01/10/2019	1.000.000.000	1.000.000.000	0	0
01/11/2019	1.000.000.000	1.000.000.000		0
06/11/2019	100.000.000		100.000.000	
08/11/2019	-			
15/11/2019	-			
29/11/2019	-			
01/12/2019	1.006.383.000	1.000.000.000	0	6.383.000
06/12/2019	100.000.000		100.000.000	
01/01/2020	1.018.680.000	1.000.000.000		18.680.000
06/01/2020	100.000.000		100.000.000	
07/01/2020	-			
17/01/2020	-			
21/01/2020	-			
01/02/2020	1.031.000.000	1.000.000.000		31.000.000
06/02/2020	100.000.000		100.000.000	
28/02/2020	-			
01/03/2020	1.040.100.000	1.000.000.000		40.100.000
06/03/2020	100.000.000		100.000.000	
01/04/2020	649.223.650	589.423.650		59.800.000
06/04/2020	100.000.000		100.000.000	
01/05/2020	58.942.365		58.942.365	
01/05/2020	733.242.365		658.942.365	74.300.000
07/05/2020	-			
15/05/2020	-			
01/06/2020	86.800.000			86.800.000
10/06/2020	-			
24/06/2020	64.400.000			64.400.000
01/07/2020	19.600.000			19.600.000
01/08/2020	86.800.000			86.800.000
14/08/2020	-			
01/09/2020	86.800.000			86.800.000
07/09/2020	-			
17/09/2020	47.600.000			47.600.000
30/09/2020	36.400.000			36.400.000
31/10/2020	86.800.000			86.800.000
30/11/2020	84.000.000			84.000.000
Cộng	8.736.771.380	6.589.423.650	1.317.884.730	829.463.000

- Số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn như sau:

<i>Ny phát</i>	<i>Số tiền đã trả (Đơn vị tính: Đồng)</i>	<i>Dư nợ gốc</i>
----------------	---	------------------

<i>sinh</i>	<i>Tổng số tiền đã trả</i>	<i>Thu nợ</i>			
		<i>Thu nợ gốc</i>	<i>Thu phí phạt chậm trả</i>	<i>Thu lãi</i>	
(1)	(6 = 7+8+9)	(7)	(8)	(9)	(10)
17/06/2019	0				6.589.423.650
01/10/2019					6.589.423.650
01/11/2019					6.589.423.650
06/11/2019	500.000.000	400.000.000	100.000.000		6.189.423.650
08/11/2019	250.000.000	250.000.000	0		5.939.423.650
15/11/2019	150.000.000	150.000.000	0		5.789.423.650
29/11/2019	100.000.000	100.000.000			5.689.423.650
01/12/2019					5.689.423.650
06/12/2019					5.689.423.650
01/01/2020					5.689.423.650
06/01/2020					5.689.423.650
07/01/2020	300.000.000	74.937.000	200.000.000	25.063.000	5.614.486.650
17/01/2020	250.000.000	250.000.000			5.364.486.650
21/01/2020	250.000.000	250.000.000			5.114.486.650
01/02/2020					5.114.486.650
06/02/2020					5.114.486.650
28/02/2020	100.000.000		100.000.000		5.114.486.650
01/03/2020					5.114.486.650
06/03/2020					5.114.486.650
01/04/2020					5.114.486.650
06/04/2020					5.114.486.650
01/05/2020					5.114.486.650
01/05/2020					5.114.486.650
07/05/2020	200.000.000		200.000.000		5.114.486.650
15/05/2020	200.000.000		200.000.000		5.114.486.650
01/06/2020					5.114.486.650
10/06/2020	200.000.000		200.000.000		5.114.486.650
24/06/2020					5.114.486.650
01/07/2020					5.114.486.650
01/08/2020					5.114.486.650
14/08/2020	300.000.000		300.000.000		5.114.486.650
01/09/2020					5.114.486.650
07/09/2020	200.000.000		17.884.730	182.115.270	5.114.486.650
17/09/2020					5.114.486.650
30/09/2020					5.114.486.650
31/10/2020					5.114.486.650
30/11/2020					5.114.486.650
Cộng	3.000.000.000	1.474.937.000	1.317.884.730	207.178.270	

Từ những phân tích trên, Tòa án xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cần được chấp nhận, buộc Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại dịch vụ PN phải trả cho bà Lê Bích N tổng số tiền tính đến hết Ny 30/11/2020 là:

$(8.736.771.380 \text{ đồng} - 3.000.000.000 \text{ đồng}) = 5.736.771.380 \text{ đồng}$, trong đó tiền nợ gốc là 5.114.486.650 đồng; tiền lãi chậm trả là 622.284.730 đồng.

[4]. Về tiền lãi chậm trả: Kể từ Ny 01/12/2020 bị đơn còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm trả của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc.

[5]. Về án phí:

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Lê Bích N số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 418, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại dịch vụ PN phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Bích N tổng số tiền là: 5.736.771.380đ (Năm tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm tám mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 5.114.486.650đ (Năm tỷ, một trăm mười bốn triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi đồng); tiền lãi chậm trả (tính đến Ny 30/11/2020) là 622.284.730đ (Sáu trăm hai mươi hai triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn, bảy trăm ba mươi đồng).

Kể từ Ny 01/12/2020 Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại dịch vụ PN còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc.

2. Về án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.894.386đ (Năm mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng) theo biên lai số AB/2012/0008402Ny 30/6/2020 (tại Thông báo nộp tiền số 359/TB-TA Ny 30/6/2020 ghi tên người phải nộp tiền tạm ứng án phí là “Lê Thị Bích N”, nay sửa lại là người phải nộp tiền tạm ứng án phí là “Lê Bích N”) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại dịch vụ PN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 113.736.771đ (Một trăm mười ba triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi một đồng).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 Ngày kể từ Ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 Ngày kể từ Ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa P.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP Lào Cai (02);
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT; tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tùng